Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: .....

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh ☐ giảng

Ngành: Nông Lâm nghiệp

Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và Môi trường Nông Lâm nghiệp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Ngô Thanh Sơn

2. Ngày tháng năm sinh: 25/11/1980; Nam ☐ Nữ ☑ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): S2.16.08.22, Vinhomes Ocean Park, Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Ngô Thanh Sơn, Bộ môn Quản lý tài nguyên, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0914346264; E-mail: ntson@vnua.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 09 năm 2003 đến tháng 01 năm 2008 Giảng viên Bộ môn Thuỷ nông Canh Tác, Khoa Đất và Môi trường, Đại học Nông nghiệp 1.

- Từ tháng 02 năm 2008 đến tháng 09 năm 2013: Giảng viên Bộ môn Tài nguyên nước, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Đại học Nông nghiệp Hà nội

- Từ tháng 10 năm 2013 đến tháng 03 năm 2021: Giảng viên, Bộ môn Tài nguyên nước, Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- Từ tháng 3 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023: Giảng viên, Trrưởng bộ môn, Bộ môn Quản lý tài nguyên, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- Từ tháng 6 năm 2023 đến nay: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn, Bộ môn Quản lý tài nguyên, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Quản lý tài nguyên, Khoa Tài nguyên và Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Địa chỉ cơ quan: Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024.62617586

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng …năm ……Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 08 năm 2002; số văn bằng: B430231; ngành: Quản lý đất đai; Nơi cấp bằng ĐH: Đại học Nông nghiệp I, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 07 năm 2008; ngành: Khoa học Đất; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Quốc gia Philippines LosBanos (UPLB), Philippin.

- Được cấp bằng TS ngày 16 tháng 12 năm 2015; ngành: Quản lý tài nguyên thiên nhiên; Nơi cấp bằng TS: Học viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp - Lâm nghiệp

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài nguyên đất và nước;

- Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế của cộng đồng dễ bị tổn thương;

- Nghiên cứu giải pháp trong quản lý tài nguyên đất đai theo hướng hiệu quả và bền vững.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn phụ 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn 08 HVCH/ bảo vệ thành công luận văn ThS.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: 5; trong đó có 2 đề tài cấp Học viện, 1 đề tài cấp Tỉnh, 2 đề tài cấp Bộ đã hoàn thành, và 2 đề tài cấp Bộ đang triển khai.

- Đã công bố (số lượng) 58 bài báo khoa học và hội thảo khoa học, trong đó 15 bài báo và kỷ yếu hội thảo khoa học trên tạp chí quốc tế SCIE, Scopus, Web of Science có uy tín và 09 bài báo tiếng Anh trên tạp chí VJAS;

- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 01 – Giáo trình Thuỷ văn thuộc nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp 2021;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- *Về phẩm chất đạo đức*: Có phẩm chất đạo đức tốt, luôn nghiêm túc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của cơ quan công tác cũng như địa phương nơi cư trú. Luôn giữ gìn và phát huy uy tín, danh dự của nhà giáo. Trong công việc, thể hiện tác phong chuyên nghiệp, phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp, tôn trọng người học và hỗ trợ tối đa cho quá trình học tập, nghiên cứu của họ. Có tinh thần chủ động, sáng tạo, trách nhiệm cao trong giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Không ngừng học hỏi, cập nhật các tri thức, kỹ năng và xu hướng mới trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và phát triển bền vững ngành quản lý tài nguyên.

- *Về trình độ đào tạo, bồi dưỡng*: Được đào tạo bài bản tại các cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong và ngoài nước, bao gồm Việt Nam, Philippines và Thái Lan, ở cả ba bậc: Cử nhân, Thạc sĩ và Tiến sĩ, chuyên sâu về các lĩnh vực liên quan đến quản lý tài nguyên và môi trường nông lâm nghiệp. Có trình độ chuyên môn vững vàng, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu ở bậc đại học và sau đại học. Đồng thời, thường xuyên tham gia các khoá đào tạo sau Tiến sĩ, bồi dưỡng ngắn hạn trong và ngoài nước như Đức, Bỉ, và Thái Lan nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, sư phạm, và tiếp cận các phương pháp, công nghệ đào tạo hiện đại.

- *Về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ*: Có đầy đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ phù hợp với chức danh nhà giáo, thể hiện rõ qua hai mảng hoạt động chính:

+ Về đào tạo: Có năng lực giảng dạy tốt, luôn nỗ lực đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng lấy người học làm trung tâm; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và các công cụ trực tuyến vào giảng dạy. Được người học đánh giá cao về nội dung, phương pháp và tinh thần hỗ trợ học tập. Đã tham gia giảng dạy ở trình độ Thạc sĩ, hướng dẫn và phản biện khoá luận tốt nghiệp, luận văn Thạc sĩ. Tham gia xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường, đồng biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ đào tạo. Có kinh nghiệm trong công tác đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chương trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong lĩnh vực này.

+ Về nghiên cứu khoa học: Có năng lực nghiên cứu tốt, là thành viên của nhóm nghiên cứu mạnh "*Quản lý tổng hợp tài nguyên đất, nước, phân bón, cây trồng*". Đã chủ trì, đồng chủ trì và tham gia đề xuất, tổ chức nhóm nghiên cứu để thực hiện các đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ và quốc tế. Có nhiều công bố khoa học trên các tạp chí trong nước và quốc tế; tích cực tham gia các hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước với vai trò báo cáo viên. Ngoài ra, đã tham gia hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu, phản biện bài báo khoa học cho các tạp chí chuyên ngành uy tín, thể hiện năng lực đánh giá và phản biện khoa học độc lập.

+ Về các hoạt động khác: có năng lực tham gia các hoạt động khác được Học viện, Khoa, phân công như quảng bá tuyển sinh, quản lý bộ môn.

+ Tích cực tham gia hoạt động phát triển cộng đồng, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh ở trong và ngoài cơ sở giáo dục;

- Sức khỏe: Có đủ sức khoẻ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 21 năm 9 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016-2017	-	-	-	4	385		385/685,6/270
2	2020-2021	-	-	2	4	287		287/461/270
3	2021-2022	-	-	1	1	212		212/289,6/216
03 năm học cuối								
4	2022-2023	-	-	6	-	218		218/516,4/216
5	2023-2024	-	-	-	-	238		238/250,7/216
6	2024-2025	-	-	1	1	150	30	180/272,5/240

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

(*) - Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS tại nước: Philippin và luận án TS tại nước: Thái Lan;

Từ Tháng 06/2006 - 06/2008: Chương trình Thạc sĩ tại Đại học tổng hợp Philippines LosBanos (UPLB) và được cấp bằng tại Philippine tháng 07/2008.

Từ Tháng 08/2009 - 12/2015: Chương trình Tiến sĩ và được cấp bằng tại Học viện công nghệ Châu Á, Thái Lan tháng 12/2015.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☑

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Không,

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Gia Hải		x	x		2017 - 2019	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	16/12/2019 Số: 000563
2	Lê Thị Vân Anh		x	x		2018 - 2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	25/02/2021 Số: 000236

3	Nguyễn Thị Thu Thảo		x	x		2018 - 2020	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	25/02/2021 Số: 000235
4	Nguyễn Hà Dương		x	x		2019 - 2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	20/09/2022 Số: 001277
5	Lê Thị Khánh Ninh		x	x		2019 - 2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	20/09/2022 Số: 001280
6	Đinh Văn Toàn		x	x		2019 - 2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	20/09/2022 Số: 001314
7	Đinh Thị Huyền Trang		x	x		2019 - 2021	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	20/09/2022 Số: 001337
8	Nguyễn Mạnh Chiến		x	x		2020 - 2022	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	15/09/2023 Số: 001912

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Giáo trình Thuỷ văn	GT	NXB Học viện Nông nghiệp ISBN 978-604-924-559-6	2	Nguyễn Duy Bình	1-274	QĐ xuất bản ấn phẩm: Số 98/QĐ-NXB-HVN ngày 01/11/2021 Giấy chứng nhận mục đích sử dụng sách: Số 1142/HVN-NXB ngày 23/06/2025

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	**Trước khi được công nhận PGS/TS**				
1	Ảnh hưởng của chế độ nước đến sự biến đổi dinh dưỡng trong đất lúa	CN	T2005-03-44 Đề tài cấp cơ sở	1-12/2005	Xác nhận hoàn thành nghiệm vụ nghiên cứu ngày 22/05/2006 Xếp loại Tốt
2	Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ tưới nước đến trạng thái Kali và năng suất lúa vụ xuân 2009 trên đất phù sa sông Hồng	CN	T2009-04-16 Đề tài cấp cơ sở	1-12/2009	Xác nhận hoàn thành nghiệm vụ nghiên cứu ngày 30/07/2010 Xếp loại Khá
II	**Sau khi được công nhận PGS/TS**				
1	Nghiên cứu sử dụng đất hợp lý ứng phó với khô hạn vùng duyên hải Nam Trung Bộ	TG	Đề tài cấp bộ	2017-2020	Biên bản nghiệm thu ngày 22/06/2021 Quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Số 357/QĐ-BNN-KHCN ngày 20/01/2022 Xếp loại: Đạt
2	Ứng dụng mô hình SWAT để đánh giá, dự báo và cảnh báo tình trạng xói mòn đất trên đất dốc canh tác vùng đồi núi tại tỉnh Gia Lai	CN	GL-03-2019. Đề tài cấp Tỉnh	7/2020 - 12/2021	Biên bản nghiệm thu ngày 20/12/2022 Quyết định về việc công nhận kết quả đề tài KHCN cấp tỉnh 20/06/2023 Xếp loại: Đạt

3	Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý sử dụng đất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu phục vụ mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp vùng Bắc Trung Bộ	TK	ĐTKHCN.WB.02.2020 Đề tài cấp Bộ	3-12/2020	Biên bản đánh giá kết quả đề tài khoa học công nghệ cấp bộ ngày 26/06/2021. Xếp loại: Xuất sắc
4	Nghiên cứu, đề xuất giải pháp, chính sách nâng cao sự thích ứng và kỹ năng của nông dân ứng phó với biến đổi khí hậu và thay đổi thị trường	TG	Đề tài cấp Bộ	2024-2025	Đang thực hiện
5	Xây dựng thí điểm mô hình bảo vệ môi trường khu vực đất cát biển và đất xám khô hạn để ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững vùng duyên hải Nam Trung Bộ	TK	Đề tài cấp Bộ	1/2024 - 12/2025	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	**Trước khi được công nhận PGS/TS**							
1	Đánh giá thích hợp cho cây lúa, ngô, và đậu tương ở xã Lục Bình,	3		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (Tạp chí		7	Tập 4+5, 151-158	2006

	huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng			khoa học và Phát triển) ISSN: 1859-0004				
2	Ảnh hưởng của chế độ nước đến sự biến đổi dinh dưỡng trong đất lúa ở đồng bằng sông Hồng	3	X	Tạp chí Khoa học Đất. ISSN: 0868-3743		3	Số 25, 143-146	2006
3	Water productivity and soil chemical properties under varying water regimes on spring rice (Oryza sativa L) in Hanoi, Vietnam https://www.cabidigitallibrary.org/doi/full/10.5555/20093005659	6	X	Philippine Journal of Crop Science. ISSN: 0115-463x		12	Tập 33 (3), 56-70	2008
4	Effective water management in rice cultivation and water resource conservation	7		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (Tạp chí khoa học và Phát triển). *English issue*. ISSN: 1859-0004		6	Tập 7 (2), 151-158	2009
5	Nghiên cứu kỹ thuật tưới và bón phân cho lúa gieo thẳng theo hàng ở Gia Lâm – Hà Nội	6		Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn. ISSN: 1859-4581		6	Số 6, 9-13	6/2010
6	Ảnh hưởng của chế độ nước tưới đến sự biến đổi	6	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt		2	Tập 8 (3),	2010

	Kali trong đất và năng suất lúa trên đất phù sa sông Hồng			Nam (Tạp chí khoa học và Phát triển). ISSN: 1859-0004			488-497	
7	Ứng dụng mô hình SWAT (Soil and water assessment tool) để xây dựng bản đồ xói mòn đất và dự báo tiềm năng xói mòn đất trên địa bàn huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	3		Tạp chí Khoa học Đất. ISSN: 0868-3743			Số 43, 154-162	2014
8	Effect of land use change on runoff and sediment yield in Da River Basin of Hoa Binh province, Northwest Vietnam https://link.springer.com/article/10.1007/s11629-013-2925-9	3	X	Journal of Mountain Science	SCIE, Scopus (Q2, IF 2.6)	72	Tập 12(4): 1051-1064	2015
II	**Sau khi được công nhận PGS/TS**							
9	Ứng dụng viễn thám và kiến thức bản địa đánh giá biến động lớp phủ tại thượng nguồn lưu vực Sông Mã, Tây Bắc, Việt Nam	3	X	Tạp chí Khoa học Đất. ISSN: 2525-2216			Số 48, 70-75	2016
10	Water Use Management in the Nam Rom Irrigation System of Muong Thanh	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (Tạp chí khoa học và		3	Tập 14 (10), 1518-1529	2016

	Valley, Northwest Vietnam https://vjol.info.vn/index.php/hvnn/article/view/31049/26324			Phát triển). ISSN: 1859-0004				
11	Land Use Changes and Its Interaction among Soil, Water Resources, and Rural Livelihood in Hoa Binh province	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (Tạp chí khoa học và Phát triển). ISSN: 1859-0004		5	Tập 15 (3), 349-362	2017
12	Nghiên cứu ảnh hưởng của đô thị hoá đến sản xuất nông nghiệp, đời sống và việc làm của hộ nông dân tại huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2015	2	X	Tạp chí Nông nghiệp Và Phát triển Nông thôn. ISSN 2815-6153		2	Tập 9 (1), 11-17	5/2017
13	Đánh giá sự tương quan giữa các yếu tố địa lý và biến động sử dụng đất tại lưu vực sông Nậm Rốm, tỉnh Điện Biên https://tapchi.vaas.vn/sites/tapchi.vaas.vn/files/tapchi/2021-08/tc14-2017_1.pdf	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam. ISSN 1859-1558			Số 3 (76), 71-77	2017
14	Đánh giá tình hình hạn hán tại tỉnh Bình Thuận	4	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt		1	Tập16 (4):339-350	2018

	giai đoạn 1984 – 2016 https://vie.vjas.vn/index.php/vjasvn/article/view/455			Nam. eISSN 3030-4156				
15	Assessment of drought indices using different methods in South Central Coast of Vietnam. https://www.geoinfo-lab.org/gisideas18/papers/ASSESSMENT%20OF%20DROUGHT%20INDICES%20USING%20DIFFERENT%20METHODS%20IN%20SOUTH%20CENTRAL%20COAST%20OF%20VIETNAM.pdf	3		In the proceedings of International Conference-GISIDEA 2018. https://www.geoinfo-lab.org/gisideas18/		1	211-218	2018
16	Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội https://tapchi.vaas.vn/vi/tap-chi/danh-gia-tinh-hinh-thuc-hien-quy-hoach-xay-dung-nong-thon-moi-huyen-soc-son-thanh-pho-ha	3		Tạp chí khoa học Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam. ISSN: 1859-1558			Số 3(100), 63-71	2019
17	Nghiên cứu ảnh hưởng của đô thị	5		Tạp chí khoa học Công nghệ			Số 05 (102),	2019

	hóa đến sản xuất nông nghiệp, đời sống và việc làm hộ nông dân tại thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh https://tapchi.vaas.vn/vi/tap-chi/nghien-cuu-anh-huong-cua-do-thi-hoa-den-san-xuat-nong-nghiep-doi-song-va-viec-lam-ho-nong			Nông nghiệp Việt Nam ISSN: 1859-1558			119-127	
18	Đánh giá công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/lists/220?newpaperid=2	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN ISSN 1859 - 4581			Số 20, 124-131	10/2019
19	Predicting Land Use and Climate Changes Scenarios Impacts on Runoff and Soil Erosion: A Case Study in Hoa Binh Province, Lower Da River Basin, Northwest Vietnam https://www.thaiscience.info/Journals/Article/ENVA/10992257.pdf	2	X	Environment-Asia. ISSN: 1906-1714	Scopus, (Scimago: Q4, SJR:0.19 IF 0.8, H-index 25)	13 (2) 67-77	13	2020

20	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận	7		Tạp chí Khoa học Đất. ISSN: 2525-2216		Số 60, 49-55		2020
21	Response of Streamflow and Soil Erosion to Climate Change and Human Activities in Nam Rom River Basin, Northwest of Vietnam https://ph02.tci-thaijo.org/index.php/ennrj/article/view/240587	2	X	Environment and Natural Resources Journal	Scopus, (Scimago: Q3, SJR: 0.29, IF:1.6, H-index 13)	15	Số 18(4): 411-423	2020
22	Assessment of Land Resources Potentials for Orientated Agriculture Land Use in Ham Thuan Bac district, Binh Thuan province https://eng.vjas.vn/index.php/vjas/article/view/123	7		Vietnam Journal of Agricultural Sciences. e-ISSN 3030-4520		1	Số 3(4), 817–830	2020
23	Đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất nông nghiệp phục vụ công tác quy hoạch sử dụng đất huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An http://tapchikhoa	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN: 1859-4581			Số 5, 144-152	2021

	hocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3517							
24	Water Saving Irrigation and Nitrogen Fertilizer Use Efficiency for Irrigated Rice in the Red River Delta, Vietnam https://doi.org/10.31817/vjas.2021.4.3.02	2	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences. e-ISSN 3030-4520			Số 4(3), 1117–1130	2021
25	Đánh giá tiềm năng đất đai huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh phục vụ công tác định hướng sử dụng đất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3878	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN: 1859-4581		1	Số 22, 11-20	2021
26	Nhận thức của gười nông dân về tình trạng xói mòn đất trên đất dốc canh tác vùng đồi núi tại tỉnh Gia Lai http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3881	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN: 1859-4581			Số 22, 34-41	2021
27	Đánh giá biến động sử dụng đất huyện Lộc Hà,	3	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát			Số 23, 145-151	2021

	Hà Tĩnh bằng công nghệ GIS http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3915			triển Nông thôn ISSN: 1859-4581				
28	Tổng quan về ứng dụng công cụ đánh giá tài nguyên đất và nước (SWAT) ở Việt nam: Thách thức và triển vọng trong tương lai https://vie.vjas.vn/index.php/vjasvn/article/view/926/926	2	X	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam p-ISSN: 3030 - 4458		1	Số 19(12), 1693–1705	2021
29	The supported policy in Afforestation and Perennial Crops Project and its Effect to Local people's Livelihood in Dien Bien province of Vietnam https://doi.org/10.31817/vjas.2021.4.4.06	3	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences. e-ISSN 3030-4520		2	Tập 4(4), 1270–1282	12/2021
30	The relationship between economic growth, employment, capital and carbon dioxide emissions: The case of Vietnam https://sites.googl	3		In the proceeding of Economy and Environment Partnership of Southeast Asia (EEPSEA) Annual Conference			1-12	12/2021

	e.com/eepsea.org/annual-conference-2021/presentations#h.sona6apntjiu			2021				
31	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giao đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3951	5		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN: 1859-4581			Số 1, 117-126	1/2022
32	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình http://tapchikhoahocnongnghiep.vn/tapchi/detail/3987	7		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ISSN: 1859-4581			Số 3+4, 168-178	2/2022
33	Tổng quan về các mô hình dự báo xói mòn đất và ứng dụng	4	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lâm nghiệp. ISSN: 1859-3828			Số 1 (1), 103-113	2/2022
34	Flood susceptibility assessment in Central region of Vietnam based on ensemble fuzzy	9		Urbanism. Architecture. Constructions/ Urbanism. Arhitectura.	Scopus (Scimago Q3, IF:0.6)		Số 13 (1), 29-44	2022

	logic and multivariate analysis https://www.ceeol.com/search/article-detail?id=1045212			Constructii				
35	Climate Change and Farmers' Adaptation Strategies: The Case of Rice Producers in Nghe An Province, Vietnam https://eng.vjas.vn/index.php/vjas/article/view/315	8		Vietnam Journal of Agricultural Sciences. ISSN 2588-1299		3	Tập 5(1), 1359–1374	2022
36	Climate change and livelihood vulnerability of the rice farmers in the North Central Region of Vietnam: A case study in Nghe An province, Vietnam https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2666701002200020 8	5		Environmental Challenges	ISI, Scopus (Q1), (Scimago, IF: 6.8, SJR: 1.18)	56	Số 7 100460	2022
37	The Importance of Socio-economic Development to Sustainable Natural Resources	2	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences. ISSN 1859-1558		3	Tập 5(1), 1345–1358	2022

	Management in Rural Areas: A Case Study of Sustainable Livelihoods and Forest Management in Xuan Nha Nature Reserve in Northwestern Vietnam https://eng.vjas.vn/index.php/vjas/article/view/327							
38	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	6		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam. ISSN 1859-1558			Số 6 (139), 95-103	7/2022
39	Application of SWAT model to assess land use change and climate variability impacts on hydrology of Nam Rom Catchment in Northwestern Vietnam https://link.springer.com/article/10.1007/s10668-021-01295-2	4	X	Environment, Development and Sustainability	(SCI, Scopus, SCIE, Q1, IF 4.7, SJR 0.96, H-index: 96)	35	Số 24 (3), 3091-3109	2022
40	Ứng dụng mô hình CLUMondo dự báo thay đổi sử dụng đất phục vụ công tác quy	6		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam p-ISSN: 3030 -			Tập 21 (4): 446-457	2023

	hoạch đất đai huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái https://tapchi.vnua.edu.vn/wp-content/uploads/2023/04/tap-chi-so-4.6.pdf			4458				
41	Nguyên nhân biến động thảm thực vật rừng lưu vực hồ chứa nước IaMor, tỉnh Gia Lai giai đoạn 2010-2020	3		Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc. ISBN 978-604-924-766-9			425-435	2023
42	Assessing Change Impacts on Flood and Drought hazard in Thua Thien Hue province using Standardized Precipitation Index (SPI) DOI: 10.1088/1755-1315/1345/1/012022	4	X	IOP Conference Series: Earth and Environmental Science. ISSN: 1755-1315	Scopus (Scimago: SJR 0.27; IF:1.1)	1	Số 1345, (1) 012022	2024
43	A systematic review of GIS-based and AHP approaches for identifying suitable locations for livestock farms DOI: 10.1088/1755-1315/1345/1/012003	6		IOP Conference Series: Earth and Environmental Science. ISSN: 1755-1315	Scopus	2	Số 1345, (1) 012003	2024
44	Thực trạng và thách thức trong	4		Kỷ yếu Hội			57-68	2024

	khai thác sử dụng tài nguyên nước ở Việt Nam			thảo khoa học Quốc gia: Môi trường Nông nghiệp Nông thôn và Phát triển bền vững. ISBN 978-604-924-803-0				
45	Sử dụng mô hình hồi quy Tobit để xác định giới hạn an toàn của chì (Pb) trong nước tưới cho cải xanh trên đất phù sa sông Hồng	5		Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc gia: Môi trường Nông nghiệp nông thôn và Phát triển bền vững. ISBN 978-604-924-803-0			296-305	2024
46	Đánh giá thực trạng chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam https://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-74-2024/	3		Tạp chí Khoa học đất. ISSN 2525-2216			Số 74, 76-81	2024
47	Đánh giá tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu tại tỉnh thừa thiên Huế https://tapchikhoahocdat.vn/tin-tuc/so-75-2024/	6		Tạp chí Khoa học đất. ISSN 2525-2216			Số 75, 194-199	2024

48	Establishing Optimal Machine Learning Models for Monitoring Water Quality in Vietnam's Upper Ma https://ph01.tci-thaijo.org/index.php/aer/article/view/257524	2	X	Applied Environmental Research	Scopus (Scimago Q3, IF:1.1)	1	Số 46(4)	11/2024
49	Effective adaptation options to alleviate nuisance flooding in coastal megacities—learning from Ho Chi Minh City, Vietnam https://agupubs.onlinelibrary.wiley.com/doi/full/10.1029/2024EF004766	14		Earth's Future. ISSN:2328-4277	ISI (Q1, IF: 8.2)	1	Số 12 (11)	11/2024
50	Spatial Assessment of Pollutant Loads in the Ma River Basin, Song Ma District, Son La Province https://doi.org/10.31817/vjas.2024.7.4.03	2	X	Vietnam Journal of Agricultural Sciences. ISSN 2588-1299		2	Tập 7 (4), 2280–2293	12/2024
51	Enablers and barriers to implementing effective disaster risk management according to good	10		International Journal of Disaster Risk Reduction	ISI, (Q1, IF 4.5)	3	Số 20:105344	2025

	governance principles: experiences from Central Vietnam. International Journal of Disaster Risk Reduction https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2212420925001682							
52	Giới hạn an toàn của Chì (Pb) trong nước tưới cho ra mồng tơi trồng trên đất phù sa sông Hồng	4		Kỷ yếu hội thảo Môi trường nông nghiệp, nông thôn và phát triển bền vững. ISBN: 978 - 604 - 924 - 868 -9			13-22	2025
53	Đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gây xói mòn trên đất dốc và đề xuất biện pháp nhằm giảm thiểu xói mòn trên đất canh tác phục vụ hiệu quả, bền vững trong sản xuất nông, lâm nghiệp tỉnh Gia Lai	2	X	Kỷ yếu hội thảo Môi trường nông nghiệp, nông thôn và phát triển bền vững. ISBN: 978 - 604 - 924 - 868 -9			159-170	2025
54	GIS application for building flood risk maps and assessing flood damage due to climate change in Dien Chau	7		IOP Conference Series: Earth and Environmental Science	Scopus		Số 1501 (1)	2025

	district, Nghe An province, Vietnam https://iopscience.iop.org/article/10.1088/1755-1315/1501/1/012016							
55	Đánh giá biến động và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng đất nông nghiệp với quá trình đô thị hoá tại Nghi Xuân, Hà Tĩnh https://doi.org/10.71254/8r796c59	4		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN: p-ISSN 3093-3382			Số 5 (1)	3/2025
56	Đánh giá mức độ rủi ro khí hậu và gợi ý chính sách phát triển nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam	5		Tạp chí Rừng và Môi trường. ISSN:1859-1248			Số 125, 147-156	2025
57	Xu thế biến động chất hữu cơ và chất dinh dưỡng chính của đất cát biển bị ảnh hưởng bởi khô hạn tại vùng duyên hải Nam Trung Bộ https://doi.org/10.71254/4vxh6006	3	X	Tạp chí Nông nghiệp và Môi trường. p-ISSN: 3093-3382			Số 9, 21-30	5/2025
58	Tích hợp kết quả mô hình SWAT vào WebGIS để xây dựng bản đồ cảnh báo trực tuyến nguy cơ xói	2	X	Kỷ yếu hội thảo Quản lý đất đai toàn quốc lần thứ 3 năm 2025. ISBN: 978-632-614-			41-48	2025

	mòn đất tại lưu vực Sông Ba			120-7				
59	Giáo trình Thuỷ văn	2		NBBHVNN-2021. ISBN 978-604-924-559-6			1-275	Số 98/QĐ-NXB-HVN ngày 01/11/2021

- Trong đó: Số lượng (58) bài báo khoa học và 01 giáo trình, đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính/liên hệ sau PGS/TS: **05** bài số thứ tự **[19], [21], [39], [42], [48].**

Bài báo số 19: Son, N. T., & Binh, N. D. (2020). Predicting Land Use and Climate Changes Scenarios Impacts on Runoff and Soil Erosion: A Case Study in Hoa Binh Province, Lower Da River Basin, Northwest Vietnam. EnvironmentAsia, 12(2). DOI: 10.14456/ea.2020.30. Scopus, Scimago (Q4, SJR:0.19 IF (0.8), H-index 25)

Bài báo số 21: Huong HL, Son NT. Response of streamflow and soil erosion to climate change and human activities in Nam Rom River Basin, Northwest of Vietnam. Environ. Nat. Resour. J. (2020),18(4):411-423. https://doi.org/10.32526/ennrj.18.4.2020.39, Scopus, (Scimago: Q3, SJR: 0.29, IF:1.6, H-index 13)

Bài báo số 39: Son, N. T., Le Huong, H., Loc, N. D., & Phuong, T. T. (2022). Application of SWAT model to assess land use change and climate variability impacts on hydrology of Nam Rom Catchment in Northwestern Vietnam. Environment, Development and Sustainability, 24(3), 3091-3109. https://doi.org/10.1007/s10668-021-01295-2, (SCI, Scopus, SCIE, Q1, IF 4.7, SJR 0.96, H-index: 96)

Bài báo số 42: Son, N. T., Le Huong, H., Phuong, T. T., & Phuong, T. T. (2024). Assessing Change Impacts on Flood and Drought hazard in Thua Thien Hue province using Standardized Precipitation Index (SPI). In IOP Conference Series: Earth and Environmental Science (Vol. 1345, No. 1, p. 012022). IOP Publishing. DOI 10.1088/1755-1315/1345/1/012022. Scimago (Scopus; SJR 0.27; IF:1.1)

Bài báo số 48: Son, N. T., & Loc, N. D. (2024). Establishing Optimal Machine Learning Models for Monitoring Water Quality in Vietnam's Upper Ma River. Applied Environmental Research, 46(4). https://doi.org/10.35762/AER.2024053. Scopus (Scimago Q3, SJR: 0.27, IF:1.1, H-index: 11)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						

1	Không có						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Không có						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Không có				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: Không có

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Không có				

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Cải tiến chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường	TG	Số 882/QĐ-HVN ngày 01/03/2024	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Số 4151/QĐ-HVN ngày 14/8/2024	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không có

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội , ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thanh Sơn